

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 35/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 08-6-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - *Kiểm sát viên*

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2021/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Hiền, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Dương Minh Thắng, sinh năm: 1966 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Hiền trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đào Thị Hiền và ông Dương Minh T (có tên gọi khác là Dương Minh Khắc) tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên) vào năm 1988. Vợ chồng kết hôn do mai mối chứ không tìm hiểu nhau từ trước. Do kết hôn đã lâu nên đã thất lạc giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến năm 1996 thì chuyển về tại ấp 8, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để sinh sống, lập nghiệp.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà Hsinh con một bề, không có con trai nối dõi nên ông Tkhông chịu làm ăn và bỏ đi. Đến năm 2003 ông Tbỏ về quê sinh sống. Nay bà Hxin được ly hôn với ông Thắng.

Về con chung: Ông Tbà Hcó 03 con chung tên Dương Thị Mến, sinh năm 1990; Dương Thị Thương, sinh năm 1991; Dương Thị Lệ, sinh năm 1994. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà Hvà ông Tkhông nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Bị đơn ông Dương Minh Tráng mặt tại phiên tòa. Căn cứ bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, ông Ttrình bày:

Về hôn nhân: Ông Tthống nhất với bà Hvề quan hệ hôn nhân. Trước khi kết hôn vợ chồng không tìm hiểu nhau mà kết hôn qua mai mối. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến năm 1996 thì chuyển đến ấp 8, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để sinh sống. Ông Tthừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bà Hsinh con một bề nên ông Tbuồn bức không tha thiết làm ăn, năm 2000 vợ chồng bắt đầu sống ly thân, sau đó ông Tbỏ về quê sinh sống từ năm 2003 cho đến nay. Nay bà Hxin ly hôn thì ông Tđồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Dương Thị Mến, sinh năm 1990; Dương Thị Thương, sinh năm 1991; Dương Thị Lệ, sinh năm 1994. Các con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Bà Hvà ông Tkhông nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Hiền.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị H và ông Dương Minh Thắng.

Về con chung: Các con hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đào Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đề nghị giải quyết ly hôn với ông Dương Minh T (có tên gọi khác là Dương Minh Khắc). Xét thấy ông T cư trú tại tổ dân phố Lỗ Xá, phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, tuy nhiên ông T và bà H có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông T đã ký kết hôn tuy đã mất giấy chứng nhận kết hôn nhưng có đơn xác nhận ngày 23/11/2020 của UBND phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T thống nhất vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sinh con một bề nên ông T buồn bực không thiết tha làm ăn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2003, ông T bỏ về quê sinh sống. Bà H xác định không còn tình cảm với ông T nên xin ly hôn với ông Thắng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Do bận công việc nên ông T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông Thắng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm từ 2003 cho tới nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T cũng thừa nhận giữa bà H và ông T có mâu thuẫn với nhau, thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà H xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông Thắng.

[4]. Về con chung: Bà H và ông T thống nhất có 03 con chung tên Dương Thị Mến, sinh năm 1990; Dương Thị Thương, sinh năm 1991; Dương Thị Lệ, sinh năm

1994. Các con hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Hiền;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị H được ly hôn với ông Dương Minh Thắng.

2. Về con chung: Các con trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Đào Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 019678 ngày 04/5/2021.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND phường Nhân Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM---
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Quốc Tú**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

